

PHỤ LỤC
DANH MỤC MÃ ĐỊNH DANH ĐỐI VỚI TỪNG
LOẠI CÂY TRỒNG

STT	CÂY TRỒNG	MÃ ĐỊNH DANH CÂY TRỒNG
NHÓM CÂY ĂN QUẢ		
1.	Bí đao	BIDAO1
2.	Bơ	BO0001
3.	Bòn bon	BONBON
4.	Bưởi	BUOI01
5.	Cam	CAM001
6.	Chanh	CHANH1
7.	Chanh leo	CL0001
8.	Chôm Chôm	CC0001
9.	Chuối	CHUOI1
10.	Đào	DAO001
11.	Dâu da	DAUDA1
12.	Dâu tây	DAUTAY
13.	Đu đủ	DUDU01
14.	Đu đủ xanh	DDX001
15.	Dừa	DUA001
16.	Dừa hấu	DUAHAU
17.	Dừa lê	DUALE1
18.	Dừa lười	DL0001
19.	Dứa/Thơm	DUA002
20.	Hồng	HONG01
21.	Hồng xiêm	HX0001
22.	Lê	LE0001
23.	Mận	MAN001
24.	Roi	ROI001
25.	Mãng cầu/Na	MC0001
26.	Mãng cụt	MC0002
27.	Mít	MIT001
28.	Mơ	MO0001
29.	Nhãn	NHAN01
30.	Nho	NHO001
31.	Ổi	OI0001
32.	Quất/Tắc	QUAT01

33.	Quýt	QUYT01
34.	Sầu riêng	SR0001
35.	Táo	TAO001
36.	Thanh Long	TL0001
37.	Thanh Long ruột đỏ	TLRĐ01
38.	Thanh Long ruột trắng	TLRT01
39.	Thanh Long ruột tím hồng	TLRTH1
40.	Thanh Long vỏ vàng, ruột trắng	TLVVRT
41.	Vải	VAI001
42.	Vú sữa	VUSUA1
43.	Xoài	XOAI01
44.	Dưa bở	DUABO1
45.	Nai dai	NADAI1
46.	Na bở	NABO01
NHÓM CÂY LƯƠNG THỰC		
47.	Đậu xanh	DX0001
48.	Khoai lang	KL0001
49.	Khoai môn	KM0001
50.	Khoai tây	KT0001
51.	Lúa	LUA001
52.	Ngô/Bắp	NGO001
53.	Sắn/Khoai mỳ	SAN001
54.	Đậu đỏ	DAUDO1
55.	Đậu đen	DAUDEN
NHÓM CÂY CÔNG NGHIỆP		
56.	Bạch đàn	BD0001
57.	Bông	BONG01
58.	Ca cao	CACAO1
59.	Cà phê	CAPHE1
60.	Cao su	CAOSU1
61.	Chè/Trà	CHE001
62.	Dâu tằm	DAUTAM
63.	Đậu tương	DT0001
64.	Điều	DIEU01
65.	Đinh hương	DH0001
66.	Hồ tiêu	HOTIEU
67.	Lạc	LAC001

68.	Mac ca	MACCA1
69.	Mía	MIA001
70.	Sacha Inchi	SI0001
71.	Thuốc lá	TL0002
72.	Tung dầu	TD0001
73.	Vùng	VUNG01
74.	Dong riềng	DR0001
75.	Đàn hương	DH0002
76.	Quế	QUE001
77.	Hôi	HOI001
NHÓM CÂY RAU VÀ GIA VỊ		
78.	Bầu	BAU001
79.	Bí Ngô/Bí đỏ	BINGO1
80.	Cà chua	CACHUA
81.	Cà rốt	CAROT1
82.	Cà tím	CATIM1
83.	Cải bắp	CAIBAP
84.	Cải củ	CAICU1
85.	Cải thảo	CT0001
86.	Cải xanh	CX0001
87.	Cần tây	CANTAY
88.	Chi diếp/Luối mác	CD0001
89.	Chùm ngây	CN0001
90.	Đậu Bắp	DAUBAP
91.	Đậu các loại	DCL001
92.	Đậu đũa	DAUDUA
93.	Đậu Hà Lan	DHL001
94.	Dưa chuột/Dưa leo	DC0001
95.	Gừng	GUNG01
96.	Hành tây	HT0001
97.	Hành	HANH01
98.	Hẹ	HE0001
99.	Hoa hòi	HOAHOI
100.	Húng	HUNG01
101.	Măng tây	MT0001
102.	Măng tre	MT0002
103.	Mướp đắng	MD0001
104.	Nghệ	NGHE01

105.	Ớt	OT0001
106.	Ớt hiểm	OTHIEM
107.	Ớt xiêm	OTXIEM
108.	Rau Dền	RAUDEN
109.	Rau muống	RM0001
110.	Su hào	SUHAO1
111.	Súp lơ trắng	SLT001
112.	Súp lơ xanh	SLX001
113.	Tỏi	TOI001
114.	Xà lách	XL0001
115.	Bí ngòi	BINGOI
116.	Củ nén/hành tằm	HT0002
117.	Cà pháo	CAPHAO
118.	Cà pháo chùm	CPC001
119.	Củ dền	CUDEN1
120.	Su su	SUSU01
121.	Đậu ngự	DAUNGU
122.	Cải ngọt	CN0002
123.	Cải thìa	CT0002
124.	Sả/Sả chanh	SA0001
125.	Kiệu	KIEU01
126.	Tía tô	TIATO1
127.	Kinh giới	KG0001
128.	Húng quế	HQ0001
129.	Diếp cá/Giáp cá	DIEPCA
130.	Mồng tơi	MT0003
131.	Cải chân vịt/ Tần ô	CCV001
132.	Riềng	RIENG1
133.	Rau mùi/ Ngò rí	RAUMUI
134.	Rau răm	RAURAM
135.	Rau ngổ	RAUNGO
136.	Thìa là/ Thì là	THIALA
137.	Nấm sò	NAMSO1
138.	Nấm rơm	NAMROM
139.	Nấm kim châm	NKC001
140.	Nấm mỡ	NAMMO1
141.	Nấm đùi gà	NDG001
142.	Nấm hương/ Nấm Đông cô	NH0001
143.	Mộc nhĩ/ Nấm mèo	MOCNHI

144.	Mướp hương	MH0001
145.	Cải bẹ/ Cải Đông dư	CAIBE1
146.	Cải ngồng	CN0004
147.	Cải cúc	CAICUC
148.	Cải mөр	CAIMO1
149.	Đậu Cove/ Đậu trạch	DCV001
150.	Bí xanh	BIXANH
151.	Củ cải trắng	CCT001
152.	Củ cải đỏ	CCD001
153.	Mùi tàu (Ngò gai)	MUITAU
154.	Hương nhu	HN0001
155.	Rau	RAU001
NHÓM CÂY DƯỢC LIỆU		
156.	Sâm nữ hoàng/ Dương đề nhãn	SNH001
157.	Cây Atiso	ATISO1
158.	Cây Địa liền	CDL001
159.	Ngải cứu	NC0001
160.	Củ mài/ Hoài sơn	CUMAI1
161.	Dừa cạn	DC0002
162.	Bạc hà	BH0001
163.	Dây thìa canh	DTC001
164.	Cỏ ngọt	CN0003
165.	Cà gai leo	CGL001
166.	Sen	SEN001
167.	Kim ngân hoa	KNH001
168.	Sâm Nam núi Dành	SNND01
169.	Cây Hương thảo	HT0003
170.	Trà Hoa vàng	THV001
171.	Ba Kích	BAKICH
172.	Thạch đen	TD0002
NHÓM HẠT GIỐNG		
173.	Hạt giống Ớt ngọt	ON001G
174.	Hạt giống Ớt cay	OC001G
175.	Hạt giống Cà chua	CC001G
NHÓM NGỌN GIỐNG, CÂY GIỐNG HOA		
176.	Ngọn giống, cây giống hoa Thu Hải Đường	THD01G
177.	Ngọn giống, cây giống hoa Càng cua	HCC01G

178.	Ngọn giống, cây giống hoa Cúc cánh môi	CCC01G
179.	Ngọn giống, cây giống hoa xương rồng bát tiên	XRBT1G
180.	Ngọn giống, cây giống hoa chuông	HC001G
181.	Ngọn giống, cây giống hoa dâm bụt	DB001G
182.	Ngọn giống, cây giống hoa mã đề	MD001G
183.	Ngọn giống, cây giống hoa cẩm chướng	CC002G
184.	Ngọn giống, cây giống hoa oải hương	OH001G
185.	Ngọn giống, cây giống hoa Cúc Nam Phi	CNP01G
186.	Ngọn giống, cây giống hoa Hạnh tiên thảo	HTT01G
187.	Ngọn giống, cây giống hoa hồng trai	HHT01G
NHÓM HOA CÂY CẢNH		
188.	Hoa Nhài	NHAI01
189.	Hoa Lay ơn	LAYON1
190.	Hoa Lily	LILY01
191.	Hoa Đồng tiền	DT0002
192.	Hoa Cúc	CUC001
193.	Hoa Cẩm chướng	CC0002
194.	Hoa Lan Hồ điệp	LHD001
195.	Hoa Địa lan	DIALAN
196.	Hoa Tulip	TULIP1
197.	Cây trầu bà	TRAUBA
198.	Cây trầu bà lá xẻ	TBLX01
199.	Ráy	RAY001
200.	Môn	MON001
201.	Thiên niên kiện	TNK001
202.	Trúc bạc	TB0001
203.	Hồng môn	HM0001
204.	Cây trầu bà rừng	TBR001
205.	Cây trầu bà cánh én	TBCE01